

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/05/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	P4	7:25	22	0		22	0	
2	420	P8+GTCl	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
3	427	BK6+BK3+JS2	7:25	0+2+9	0+0+0		3+0+19	0+0+0	CHUYỂN 8 PAX TỪ BK6-BK3
4	428	PPD+CTK3	7:25	17+5	0+0		14+8	0+0	
5	406	P3+AMD	9:25	2+20	0+0		1+21	0+0	
6	420	P6+P8	9:25	9+13	0+0		5+17	0+0	
7	427	P5+P4	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
8	428	CIO+P6	9:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
9	406	RP3+JS2+AMD	11:25	7+2+11	0+0+0		0+8+13	0+0+0	
10	420	PPD+P4	11:25	14+3	0+0		11+11	0+0	
11	427	VSP01+RP3	11:25	11+11	0+0		8+14	0+0	
12	406	TD3+VSP01	13:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
13	420	TTC2+TTC3+P8	13:25	5+6+5	0+0+0		5+7+10	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/05/2019	TO: P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

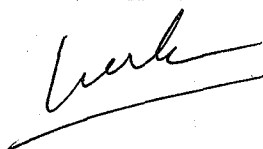
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	P4	01	1	5		85	CODIEN	Vietnamese
2	HA QUOC VIET	P4	11	1	4		63	KHI	Vietnamese
3	PHAM VAN QUYEN	P4	17	1	7		75	KHI	Vietnamese
4	BUI HUU LAN	P4	10	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	LE VAN HUONG	P4	14	1	5		67	KHI	Vietnamese
6	TRAN DUY KHUONG	P4	16	1	5		82	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN DINH CU	P4	28	1	7		75	KHI	Vietnamese
8	LE NGOC KY	P4	20	1	3		72	KHI	Vietnamese
9	HOANG HUY TIEN	P4	09	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	BUI DANG TIEN	P4	06-07	2	15		68	KHI	Vietnamese
11	LE TRUNG LAM	P4	19	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	HOANG THAI DUONG	P4	13	1	5	140	70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN CHIEN CONG	P4	15	1	4		65	KHI	Vietnamese
14	DOAN VAN TRUC	P4	18	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	TRAN VAN VINH *	P4					68	KHI	Vietnamese
16	BUI TRONG HAN	P4	12	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	CHU VAN LUONG *	P4					70	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CONG	P4					78	KHI	Vietnamese
19	PHAM HOAI NAM	P4	02	1	4		82	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HAI	P4	03	1	4		70	KHI	Vietnamese
21	PHAN HUY DAO	P4	04-05	2	15		56	KHI	Vietnamese
22	DOAN VAN AI	P4	08	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

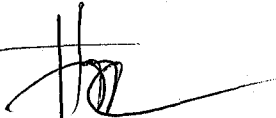
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	21	113	1.541	140	22		
	TOTAL	22	21	113	1.541	140	22		
	WEIGHT KG			113	1.541	140			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/05/2019	TO: P8 - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	P8				70	75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUY	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
3	IGOR CHERNIADEV	P8	48	1	6		72	NIPI	Russian
4	HUYNH CHANH PHAT	P8	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LUÔNG VĂN QUYẾT	P8	49	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TÂN	P8	15,34	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TIKHONOV	P8	35	1	6		94	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	37	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG HIỂN	P8	01-02	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	42	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P8	08	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	41	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	45	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ANH ĐỨC	P8	47	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	40	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	36	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO ĐỨC THAI	P8	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	38	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯỜNG HAI HÀ	P8	03	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH HOÀNG	P8	46	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH VINH	P8	39	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	43	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

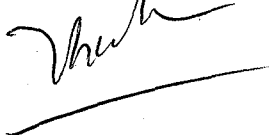
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	22	114	1.485	70	21		
2	GTC1	0	0	0	0	55	1		
TOTAL		22	22	114	1.485	125	22		
WEIGHT KG				114	1.485	125			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

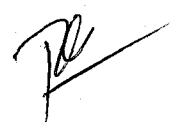
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2019	TO: BK6 - BK3 - JS2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Văn - Linh - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU XUÂN CHINH	BK3	84-85	2	19	35	60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN BACH	BK3	86	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
3	VU VAN TOAN	JS2				22	74	D-HANH	Vietnamese
4	TRINH HOANG NGUYEN	JS2	23	1	3	45	68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN LINH	JS2					72	NIPI	Vietnamese
6	BUI DINH PHI	JS2	21	1	3		61	NIPI	Vietnamese
7	DINH VAN THANH	JS2	33	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TRUNG THUY	JS2	22	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
9	DANG LONG HAI	JS2	32	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU HAU	JS2	34	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU TUYEN	JS2					60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	0	0	0	0	35	3	8	CHUYEN 8 PAX TU BK6 SANG BK3
2	BK3	2	3	33	125	35	0		
3	JS2	9	6	21	643	67	19		
TOTAL		11	9	54	768	137	22		
WEIGHT KG				54	768	137			

GRAND TOAL: 959 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/05/2019	TO: PPD - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - Thanh - Luy	ETA: 09:30
TRANG-1			

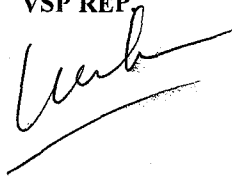
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	26	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÂM QUANG NAM	PPD	34	1	8		78	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	29	1	8		73	KHI	Vietnamese
4	ĐINH THE QUÂN	PPD	41	1	6		68	KHI	Vietnamese
5	BUI THANH HAI	PPD	32	1	3		62	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ MINH ĐỨC	PPD	35	1	6		78	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐANG HUY	PPD	30	1	3		80	KHI	Vietnamese
8	VÕ TẠ QUANG	PPD	33	1	6	25	68	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	28	1	4	50	78	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	39	1	6		67	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	27	1	3		76	KHI	Vietnamese
12	DOÀN VIỆT ĐIẾP	PPD	38	1	5		55	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN MỪNG	PPD	40	1	3		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					80	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	37	1	3		59	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	36	1	6		48	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG THAI	PPD	31	1	4		63	KHI	Vietnamese
18	SYED SALLEH BIN ALHABSHI	CTK3	06-07	2	15		72	KH-THAC	Singapore
19	PHẠM HUU TUNG	CTK3					78	VNHS	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀI NAM	CTK3	02	1	10	55	74	CODIEN	Vietnamese
21	VÕ TIẾN PHỤNG	CTK3	05	1	6		66	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM HOANG	CTK3	03-04	2	8		65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	16	77	1.184	75	14		
2	CTK3	5	6	39	355	55	8		
TOTAL		22	22	116	1.539	130	22		
WEIGHT KG				116	1.539	130			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

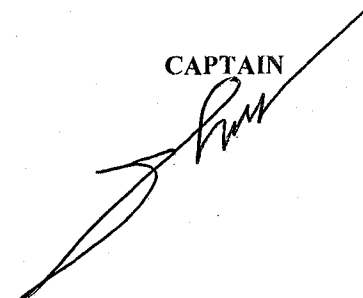
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/05/2019	TO: P3 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - HUY	ETA: 11:20
XANH-2			

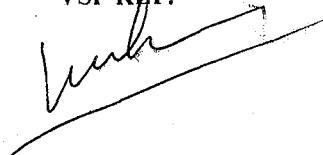
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TANG TIEN TOAN	P3	89	1	12		85	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN MINH THAO	P3	90	1	12		70	DVL	Vietnamese
3	SYED SALIM BIN SYED TAHIR	AMD	15-16	2	17		68	KH-THAC	Malaysian
4	AZMAN B M FADZIL	AMD	17	1	15		70	KH-THAC	Malaysian
5	PHAM VAN HUNG	AMD	10	1	12		65	PSV	Vietnamese
6	ANTON VAN DER MERWE	AMD	11	1	7		93	KH-THAC	Saudi Arabia
7	PHUNG MINH HAI	AMD	22	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH BICH NGOC	AMD	08-09	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO SY KHOI	AMD	05	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI XUAN TAO	AMD	14	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CONG DUNG	AMD	07	1	5	42	70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM ANH NGU	AMD	13	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH VAN PHA	AMD	01	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN HUONG	AMD	04	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DINH	AMD	18	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
16	VI TRAN TAN THUAN	AMD	20-21	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DUC TAM	AMD	19	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN DINH HIEU	AMD	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HONG LINH (PVDI)	AMD	06	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO DUC HUY	AMD	02	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC HAU	AMD	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN ANH DUY	AMD	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	2	2	24	155	0	1		
2	AMD	20	23	166	1.395	42	21		
TOTAL		22	25	190	1.550	42	22		
WEIGHT KG				190	1.550	42			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2019	TO: P6 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - MQUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TAI	P6	74	1	7	50	65	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ĐỨC HOÈ	P6	48	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐÌNH SỸ	P6	52-53	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THANH ĐO	P6	55	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN CỬ	P6	51	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI MẠNH KHANH CUÔNG	P6	54	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THIN	P6	49	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRONG KHANG	P6	50	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THUC PHUC	P6					65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	12-13	2	11	20	69	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRUNG HẬU	P8	10	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH THANG	P8	24	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LE HỒNG HÂN	P8	14-15	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VĂN THIẾT	P8	19	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VĂN VIÊN	P8	20-21	2	16		84	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	P8	11	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NAM HOÀNG	P8	27	1	11		52	XAYLAP	Vietnamese
18	LƯƠNG VĂN VIỆT	P8	25-26	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
19	HA HỮU THAI	P8	22-23	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG CHUNG	P8	17-18	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VAN NAM	P8	16	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐÀO QUỐC OAI	P8	09	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	9	9	66	601	50	5		
2	P8	13	19	162	866	20	17		
TOTAL		22	28	228	1.467	70	22		
WEIGHT KG				228	1.467	70			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP

VNH REP

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2019	TO: P5 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Vận - Linh - Năm	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	P5	38-39	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P5	40	1	17	20	75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN AI	P4	57	1	4		57	PSV	Vietnamese
4	ANSEROV .V	P4					80	KH-THAC	Russian
5	BUI ĐÌNH THU	P4	50	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VINH PHONG	P4	51	1	17		66	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM HỮU MÀN	P4	74-75	2	16		69	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN NAM	P4	78-79	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THAI	P4	76-77	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TUYẾN	P4	48-49	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	P4	64	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P4	56	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN TÍNH	P4	60-61	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUỐC	P4	54-55	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUY	P4	66-67	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN ĐỨC NGUYỄN	P4	72-73	2	13		58	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	P4	62-63	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	P4	58-59	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC HOÀNG	P4	70-71	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	P4	68-69	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HOÀNG SƠN	P4	52-53	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THUY	P4	65	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	3	37	140	20	0		
2	P4	20	32	277	1.364	0	22		
TOTAL		22	35	314	1.504	20	22		
WEIGHT KG				314	1.504	20			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2019	TO: CLO - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - Thanh - Luy	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHAERDINOV VITALY	CLO	34	1	7		70	KHOAN	Russian
2	ĐỖ VĂN QUANG	CLO	32	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	36	1	11	15	72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THUẬN	CLO	37	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
5	AGUS RIADIANSAH	CLO				28	106	BAKER HU	Indonesian
6	LE VĂN BẢO	CLO	35	1	10		62	DIA VLY	Vietnamese
7	TRẦN VĂN KHUÔNG	P6	54	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	12	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	16	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	51	1	12		87	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN QUANG	P6	17	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG	P6	18	1	5	15	62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO KIM SÂM	P6	13	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HUY THÔNG	P6	15	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	49-50	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN SÁNG	P6	14	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HOÀNG TÙNG	P6	55	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỒNG XUÂN PHU	P6	53	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN LỢI	P6	11	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC DOANH	P6	52	1	3		80	GETRACO	Vietnamese
22	QUÁCH VĂN THẢO	P6	57	1	7		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	5	46	471	43	0		
2	P6	16	16	92	1.109	15	22		
TOTAL		22	21	138	1.580	58	22		
WEIGHT KG				138	1.580	58			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/05/2019	TO: RP3 - JS2 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN SƠN	RP3	35	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	36	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3					65	KHI	Vietnamese
4	TU NGỌC HAI	RP3	33-34	2	10	50	60	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					65	KHI	Vietnamese
6	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	37	1	4		66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					85	KHI	Vietnamese
8	TRƯƠNG ĐÌNH VĨNH	JS2	99	1	10		80	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	JS2	600	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
10	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	36	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	31	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LÂM	AMD	26	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	AMD	27	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	AMD	30	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH QUANG	AMD	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC THẮNG	AMD	29	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN TRUNG	AMD	38-39	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
20	OKUBO JUNJI	AMD	34-35	2	17		75	KH-THAC	Japanese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	7	5	22	486	50	0		
2	JS2	2	2	15	145	0	8		
3	AMD	11	13	85	808	0	13		
TOTAL		20	20	122	1.439	50	21		
WEIGHT KG				122	1.439	50			

GRAND TOAL: 1.611 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2019	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - Nnam	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD				130	91	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN HAI	PPD	89	1	5		74	KHI	Vietnamese
3	HUYNH NAM LONG	PPD	86	1	10		63	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TRÁ	PPD	61-63	3	7		65	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HÙNG	PPD	64-65	2	17		65	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	91-92	2	18	25	65	KHI	Vietnamese
7	TRẦN LÊ VIỆT	PPD	87	1	5		61	PSV	Vietnamese
8	LÊ NGỌC SƠN	PPD	90	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN THĂNG	PPD	96-97	2	15		68	NHON TRÁ	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD	25	1	5		65	TECMACH	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TUÂN	PPD	98	1	6		70	TECMACH	Vietnamese
12	PHẠM NGUYỄN ĐẠT	PPD	600	1	9	74	67	TECMACH	Vietnamese
13	VÕ VĂN ĐỒNG	PPD	99	1	6		74	TECMACH	Vietnamese
14	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	PPD	88	1	4		58	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TIÊN	P4	80	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TIÊN THANH	P4	82	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH CHANH	P4	81	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	18	111	956	229	11		
2	P4	3	3	20	199	0	11		
TOTAL		17	21	131	1.155	229	22		
WEIGHT KG				131	1.155	229			

GRAND TOAL: 1.515 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/05/2019	TO: VSP01 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - Năm	ETA: 13:40
VANG-3			

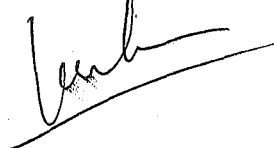
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKOV IU.V.	VSP01	26	1	8		93	KH-THAC	Russian
2	PASKEVICH V.V.	VSP01	30	1	9		97	KH-THAC	Russian
3	BUI NGUYEN QUANG	VSP01	25	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG HIEN	VSP01	24	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THANH PHU	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BAC HA	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
7	LE SY KHOI	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
8	GURIN V.V.	VSP01	28	1	5		98	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY BINH	VSP01	27	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	20	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CU	RP3	47	1	5		57	KHI	Vietnamese
13	DUONG HONG QUAN	RP3	49	1	3		67	KHI	Vietnamese
14	PHAM DUY DUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3					72	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	43	1	4		60	KHI	Vietnamese
17	PHAM HONG LINH	RP3	44,46	2	8		75	KHI	Vietnamese
18	TRAN VUONG HUNG	RP3					82	KHI	Vietnamese
19	DOAN NGOC AN	RP3	48	1	5		68	KHI	Vietnamese
20	TRAN BINH DUC	RP3	51	1	6		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN THE ANH	RP3	50	1	6		67	KHI	Vietnamese
22	DANG NGOC CUONG	RP3	41-42	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	11	7	41	896	0	8		
2	RP3	11	10	52	771	0	14		
TOTAL		22	17	93	1.667	0	22		
WEIGHT KG				93	1.667	0			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/05/2019	TO: TD3 - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 15:40
XANH-4			

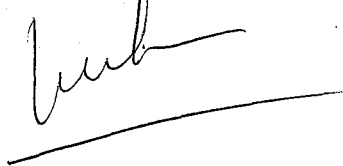
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE HUY	TD3	80	1	13		75	CODIEN	Vietnamese
2	KIM NHAT THANH	TD3	86	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
3	CHU CHERN LONG	TD3	84-85	2	15		72	NHATHAU	Malaysian
4	MOHD ALIEF AMIERULDDIN BIN IBRAHIM	TD3	81-83	3	19		84	NHATHAU	Malaysian
5	PHAM HUY BINH	VSP01	31	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN MIT	VSP01	40	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC BE	VSP01	34	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH VAN THON	VSP01					77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO XUAN DUC	VSP01	39	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	33	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN XUAN THUY	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	32	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA NGOC	VSP01	38	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH THANG	VSP01	37	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN TUAN	VSP01	35-36	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN VIET DANG	VSP01	44	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN TOAN	VSP01	42	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THUY	VSP01	43	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	29	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
21	VUONG VAN THONG	VSP01	77-78	2	10		60	YTE	Vietnamese
22	DINH DOAN TUNG	VSP01	71	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	7	59	299	0	0		
2	VSP01	18	17	88	1.213	0	22		
TOTAL		22	24	147	1.512	0	22		
WEIGHT KG				147	1.512	0			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2019	TO: TTC2 - TTC3 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:05
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: HÙNG - CHIẾN - N.Nam	ETA: 15:45
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUẤN ANH	TTC2	46	1	6	30	65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN THUC	TTC2	45	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	49	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUẤN MINH	TTC2	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	50	1	5		75	PSV	Vietnamese
6	BẠCH ANH TUẤN	TTC3	98	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐẠI HẠNH	TTC3	99	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TRỌNG HIỆU	TTC3	500	1	2		54	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ TIẾN DŨNG	TTC3	97	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THANH	TTC3	96	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH SỰ	TTC3	3000,95	2	10		60	PSV	Vietnamese
12	HÀ MẠNH DŨNG	P8	42	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P8	50	1	11		87	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	24-25	2	15		80	YTE	Vietnamese
15	PHẠM TIẾN DAT	P8	22-23	2	14		58	XLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN DINH TUẤN	P8	43-44	2	14		65	XLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	5	26	332	30	5		
2	TTC3	6	7	30	382	40	7		
3	P8	5	8	64	354	0	10		
TOTAL		16	20	120	1.068	70	22		
WEIGHT KG				120	1.068	70			

GRAND TOAL: 1.258 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/05/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	428	JS2+BK15+TD2	7:25	18+0+4	0+0+0		14+3+5	0+0+0	
2	420	RC4+TD3	7:25	5+16	0+0		5+17	0+0	
3	427	TD1+TD2	7:25	13+9	0+0		7+15	0+0	
4	618	T.UNG	7:25	19	0		18	0	
5	428	RP2	9:25	22	0		22	0	
6	420	JS2+TTC3+P10	9:25	16+0+6	0+0+0		10+1+11	0+0+0	
7	427	RP3+GTC1+BK4	9:25	21+1+0	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
8	428	TD5+RP1+BK16	11:25	4+18+0	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
9	420	RP3+RC5+BK14	11:25	14+8+0	0+0+0		9+7+6	0+0+0	
10	427	BK5+BK10+RP1	11:25	0+9+7	0+0+0		3+8+11	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ BK5-BK10
11	428	RCDM+RP3	13:25	15+7	0+0		7+15	0+0	
12	420	RC3+RP2	13:25	12+10	0+0		8+13	0+0	
13	427	TD1+RP3	13:25	7+13	0+0		1+20	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2019	TO: JS2 - BK15 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - HIẾU	ETA: 09:10
CAM-1			

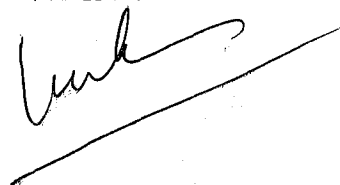
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CLIFFORD FERNANDES	JS2	42-43	2	20		86	KHOAN	Indian
2	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	44	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM DOAN HUNG	JS2	38	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
4	VO LE DUY TAN	JS2	95	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN HOAI NIEM	JS2	41	1	9	36	74	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN XUAN THI	JS2	46	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRONG TOAN	JS2	26-27	2	15		79	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU TRUNG	JS2	28	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
9	GANGADHARAN MENON VINEETH	JS2	50	1	14		80	KHOAN	Indian
10	TRAN VAN TIEP	JS2	45	1	13		72	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN TUAN NGHIA	JS2	37	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HAI	JS2	49	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	39	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	53	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC MAMG	JS2	36	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	LE THANH NGOC	JS2	40	1	6		48	KHOAN	Vietnamese
17	LE MANH HUNG	JS2	35	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC HUY	JS2	47-48	2	12		55	KHOAN	Vietnamese
19	SADOVNICHENKO D	TD2	42	1	15	50	101	KHOAN	Russian
20	TOIB R.R	TD2	41	1	6		99	KHOAN	Russian
21	FOK S.I	TD2	43	1	6		125	KHOAN	Russian
22	SOCHIVES I.M	TD2	44	1	7		105	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

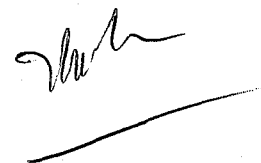
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	18	21	163	1.265	36	14		
2	BK15	0	0	0	0	20	3		
3	TD2	4	4	34	430	50	5		
TOTAL		22	25	197	1.695	106	22		
WEIGHT KG				197	1.695	106			

GRAND TOAL: 1.998 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2019	TO: RC4 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Toan	ETA: 09:15
VANG-1			

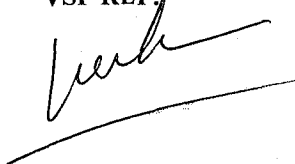
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	08	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUỐC VIỆT	RC4	06	1	7	10	68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN CÔNG	RC4	07	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU TIẾN BÌNH	RC4	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI VĂN TUÔNG	RC4	09	1	2		66	PSV	Vietnamese
6	BUI XUÂN THEM	TD3	92	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	95	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN QUỐC KHANH	TD3	91	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HAI	TD3	90	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ TUẤN ANH	TD3	96	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CÔNG HOÀNG	TD3	89	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HUYỀN	TD3	98	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN NINH	TD3				20	80	KH-THAC	Vietnamese
14	VU THẾ HUNG	TD3	93	1	9	40	60	KHOAN	Vietnamese
15	QUÁCH THẾ ANH	TD3	94	1	7	55	60	KHOAN	Vietnamese
16	BUI QUANG TUYNH	TD3	97	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	LE XUÂN THỊNH	TD3	99	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	NIYATI ISSARAPREEDA	TD3	32	1	17		77	BAKER HU	Thailand
19	CHITTIKORN ACHIWA	TD3	30	1	17		80	BAKER HU	Thailand
20	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD3	200	1	6		60	DVL	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN THƯỜNG	TD3	88	1	11		60	DICHVU	Vietnamese
22	DINH VAN GIANG	TD3	87	1	16		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

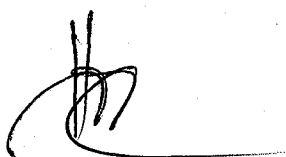
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	5	5	29	349	10	5		
2	TD3	17	16	153	1.192	115	17		
TOTAL		22	21	182	1.541	125	22		
WEIGHT KG				182	1.541	125			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/05/2019	TO: TD1 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - MMinh - Vũ	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MINH THI	TD1	17	1	5		115	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN TUNG	TD1	08	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THE VU	TD1	06	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN TRUONG	TD1	13	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TRUNG	TD1	04	1	7	50	81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	TD1	02	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LE DINH THANG	TD1	05	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
8	KIEU MINH QUYET	TD1	03	1	6		61	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN DUC THANG	TD1	10-11	2	15		72	BAKER HUGO	Vietnamese
10	BUI VAN QUYET	TD1	07	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MINH TIEN	TD1	09	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN CHAU	TD1	12	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
13	NHAM DUC TUAN	TD1	01	1	10		70	DVL	Vietnamese
14	NIKITIN	TD2	01	1	10		88	ANTOAN	Russian
15	VU NGOC TIEN	TD2	03	1	7		58	DVL	Vietnamese
16	BUI BACH DUONG	TD2	04	1	10		70	DVL	Vietnamese
17	VU HOANG TAN	TD2	08-09	2	15	25	94	DVL	Vietnamese
18	ĐANG VAN CHUNG	TD2	06	1	15		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NAM (CN)	TD2	05	1	15		78	DVL	Vietnamese
20	ĐANG QUOC DAT	TD2	02	1	12		73	DVL	Vietnamese
21	VU XUAN CANH	TD2	10	1	11		67	DVL	Vietnamese
22	VU DINH TUAN	TD2	07	1	9		84	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	13	14	112	993	50	7		
2	TD2	9	10	104	682	25	15		
TOTAL		22	24	216	1.675	75	22		
WEIGHT KG				216	1.675	75			

GRAND TOAL: 1.966 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/05/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 618	FROM: VT	CREW: Khánh - HHai	ETA: 10:40
XANH-1A			

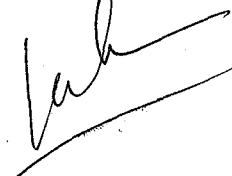
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM GIAP TRI	BK THIE	11	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG VAN THONG	BK THIE	07	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HO DINH HUY	BK THIE	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LE ANH TUAN	BK THIE	16-17	2	8		58	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HONG QUANG	BK THIE	10	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
6	VU HUNG TUAN	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN MINH TAM	BK THIE	13	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VIET TUNG	BK THIE					74	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN CUONG	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DAN	BK THIE	15	1	5	25	64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN SON	BK THIE	18	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY DU	BK THIE	06	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
13	DO THANH TUNG	BK THIE	08-09	2	8		88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH TUAN	BK THIE	02,21	2	19	5	55	KH-THAC	Vietnamese
15	VU XUAN THANH	BK THIE					72	KH-THAC	Vietnamese
16	TANG MANH HA	BK THIE	14	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN TUAN	BK THIE	01	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUYET TIEN	BK THIE	03-04	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGUYEN PHONG	BK THIE	12	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	19	19	107	1.334	30	18		
	TOTAL	19	19	107	1.334	30	18		
	WEIGHT KG			107	1.334	30			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Fuel: 2000 kgs <Gng>

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2019	TO: RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

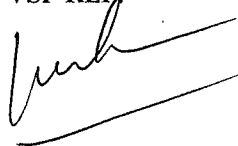
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN BAN	RP2	97	1	5	40	59	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN LY	RP2	45	1	8	25	80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOANG	RP2	85	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG ĐÌNH YẾN	RP2	86	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
6	GARIBEKOV M. K	RP2	94	1	7		98	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	89	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	92	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	98	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH DUY	RP2	90-91	2	12		89	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	43	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THÀNH	RP2	52	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN LONG	RP2	1000	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG XUÂN KHOA	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	95	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH TUẤN	RP2	87	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUANG LỢI	RP2	99	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ DUY QUYÊN	RP2	44	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHI CƯỜNG	RP2	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM BA HOANG	RP2	51	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	22	116	1.522	65	22		
	TOTAL	22	22	116	1.522	65	22		
	WEIGHT KG			116	1.522	65			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP



VNH REP



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/05/2019	TO: JS2 - TTC3 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Toan	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE MINH PHAT	JS2	56	1	11		59	KHOAN	Vietnamese
2	TONG VAN DAT	JS2	55	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TIEN	JS2	54	1	5	7	68	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VAN LOI	JS2	59	1	9	14	72	KHOAN	Vietnamese
5	LE THANH NAM	JS2	71	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	JS2	74	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG KHANH HOANG	JS2	57-58	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN SON	JS2	70	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
9	LE HAI NGAN	JS2	73	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
10	BONIFACIO MURZELLO	JS2	64-65	2	17		76	KHOAN	Indian
11	MANGALDEEP PAWAR	JS2	60-61	2	17		90	KHOAN	Indian
12	VO TANH HOA	JS2	62-63	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEN	JS2	69	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	VU THANH DUONG	JS2	66	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MANH	JS2	67-68	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN THANH TINH	JS2	72	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG NGOC THANH	P10	91	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN TUAN ANH	P10	88-89	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI DUC TRUYEN	P10	90	1	10	62	74	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM NGOC DINH	P10	94-95	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI DUY TAN	P10	92-93	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
22	LE TU KHA	P10	96	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	16	21	172	1.143	21	10		
2	TTC3	0	0	0	0	0	1		
3	P10	6	9	70	434	62	11		
TOTAL		22	30	242	1.577	83	22		
WEIGHT KG				242	1.577	83			

GRAND TOAL: 1.902 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2019	TO: RP3 - GTC1 - BK4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - MMinh - Vũ	ETA: 11:20
CAM-2			

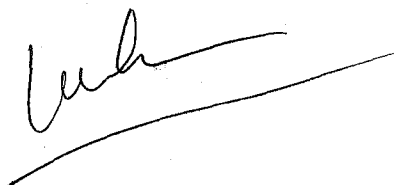
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO QUANG HUNG	RP3	60	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN HOA	RP3	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
4	LAI ĐỨC BAY	RP3	55	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CONG	RP3	300	1	8	40	63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI ANH SON	RP3	62	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VO TAN CHAU	RP3	64	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG VAN THUONG	RP3	56	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN KHIEM HIEU	RP3	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG XUAN HUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TU HAI	RP3	59	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	800	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LE ĐỨC HUY	RP3	53	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH DUONG	RP3	63	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN HIEN	RP3	68	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH HO	RP3	57-58	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TIEN	RP3	54	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG VU	RP3					74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG HAI	RP3	61	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DOAN THANH	RP3	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

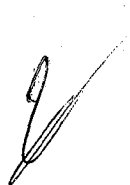
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	19	98	1.418	40	12		
2	GTC1	0	0	0	0	0	5		
3	BK4	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		21	19	98	1.418	60	22		
WEIGHT KG				98	1.418	60			

GRAND TOAL: 1.576 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/05/2019	TO: TD5 - RP1 - BK16	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - PTUẤN	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN THĂNG	TD5	96-97	2	17		81	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HỮU HẬU	TD5	95	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	98-99	2	9	20	85	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ HUY TOA	TD5	94	1	12		65	BJ	Vietnamese
5	MAMEDOV	RP1	10	1	6		82	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	09	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	19	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	08	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	20-21	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH HIẾU	RP1	16-17	2	8		57	KH-THAC	Vietnamese
13	TAO QUANG NGÂN	RP1	23	1	5	17	65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	13	1	5	55	77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NAM SINH	RP1	06-07	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	14	1	9		88	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	18	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	100	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	05	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HÙNG CƯỜNG	RP1	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	4	6	44	301	20	1		
2	RP1	17	18	100	1.247	72	17		
3	BK16	0	0	0	0	35	4		
TOTAL		21	24	144	1.548	127	22		
WEIGHT KG				144	1.548	127			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/05/2019	TO: RP3 - RC5 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - THỤ	ETA: 13:15
vang-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC THUẬN	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	22-23	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VIET THUẬN	RP3	24	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	RP3	04	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ NGỌC TUẤN	RP3	17	1	9	40	76	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ XUÂN HIẾN	RP3	01-03	3	17		60	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HOÀN	RP3	20	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VĂN LAM	RP3	18	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO QUANG THANH	RP3	11-12	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÌNH QUANG DUNG	RP3	05-06	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN THOẠI	RP3	13	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VĂN THANH	RP3	07-08	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ TẠ HOÀN	RP3	15	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN GIÁP	RP3	09-10	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
15	KOPOJLYEB P.F.	RC5	72	1	4		65	KH-THAC	Azerbaijan
16	HOANG TỊ	RC5	68	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM THẮNG	RC5	71	1	3		100	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY TUẤN	RC5	75	1	5	15	68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CỤC	RC5	69	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LINH	RC5	67	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HUAN	RC5	70	1	4		68	PSV	Vietnamese
22	LƯU VĂN KHƯƠNG	RC5	73-74	2	7		72	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	20	165	976	40	9		
2	RC5	8	9	44	597	15	7		
3	BK14	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	29	209	1.573	55	22		
WEIGHT KG				209	1.573	55			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2019	TO: BK5 - BK10 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - DTùng	ETA: 13:20
CAM-3			

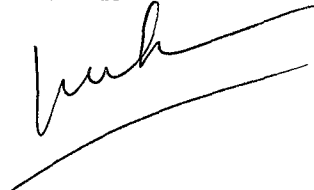
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	BK10	73	1	6	50	72	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG KHOAI	BK10	72	1	9		62	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHIỀU	BK10	90	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUANG LƯU	BK10	78	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ DANH NGỌC	BK10	34-35	2	18		79	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CUÔNG	BK10	97-98	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	BK10	33	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG VĂN	BK10	99,800	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI CAO ĐÌNH	BK10	95-96	2	14		59	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG THẾ ANH	RP1	96	1	3	50	70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	99	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	32	1	6	15	78	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THUY	RP1	94-95	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	RP1	97	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH CÔNG	RP1	98	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN NGỌ	RP1	92-93	2	11		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

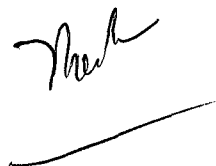
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	20	3		CHUYỂN 3 PAX TỪ BK5 SANG BK10
2	BK10	9	13	105	592	50	8		
3	RP1	7	9	53	422	65	11		
TOTAL		16	22	158	1.074	135	22		
WEIGHT KG				158	1.074	135			

GRAND TOAL: 1.367 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2019	TO: RCDM - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 15:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - PTUẤN	ETA: 17:00
XANH-4			

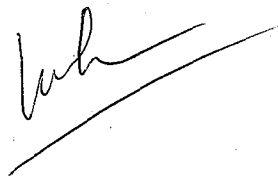
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐẮC BÌNH	RCDM	29	1	5		96	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG TÙNG	RCDM	14	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	RCDM	24	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐẮC TOÀN	RCDM	23	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÂN	RCDM	21	1	13		73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	28	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU TUẤN ANH	RCDM	17-18	2	11		52	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH HÙNG	RCDM	29	1	17		80	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	RCDM	27	1	12	90	72	CODIEN	Vietnamese
10	ĐỖ ĐỨC ANH	RCDM	19-20	2	16		82	CODIEN	Vietnamese
11	HA THÁI QUỐC	RCDM	15	1	6		68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	RCDM	16	1	5		56	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN THĂNG	RCDM	13	1	5		53	NIPI	Vietnamese
14	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	22	1	5		77	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TẠNG	RCDM	25	1	13		64	NHATHAU	Vietnamese
16	LÊ VĂN LAM	RP3	74-75	2	18		81	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ HOÀNG LAM	RP3	81-82	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI CÔNG ĐỊNH	RP3	77	1	17	30	100	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ CÔNG THỜI	RP3	76	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VĂN NGỌC	RP3	79-80	2	18		51	XAYLAP	Vietnamese
21	LUƠNG THẾ MINH	RP3	83	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ VĂN Y	RP3	73	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	15	17	133	1.038	90	7		
2	RP3	7	10	107	489	30	15		
TOTAL		22	27	240	1.527	120	22		
WEIGHT KG				240	1.527	120			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/05/2019	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: TTrung - Hòì - THỤ	ETA: 15:15
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	59	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CÔNG AN	RC3	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG HOANG ANH	RC3	65-66	2	13	145	82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	61	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀU HUY HOANG	RC3	64	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ ĐỨC LONG	RC3	58	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI SINH CUNG	RC3					63	T-TIN	Vietnamese
8	TRAN VAN VIET A	RC3	63	1	5		62	GETRACO	Vietnamese
9	VU MANH THANG	RC3	62	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYEN THANH BINH	RC3	68	1	12		66	PVGAS	Vietnamese
11	HO QUOC CUONG	RC3	67	1	7		66	PVGAS	Vietnamese
12	ĐÀO ĐÌNH HUY	RP2	62	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	53	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ TUẤN ANH	RP2	64	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HAI SANG	RP2	61	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	RP2	63	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ CÔNG MINH	RP2	56	1	2		70	GETRACO	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	55	1	5		63	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	54	1	10		69	YTE	Vietnamese
20	LÊ TRƯỞNG CHÍNH	RP2	57-58	2	18		61	PVE	Vietnamese
21	NGUYEN BUI XUAN DUNG	RP2	60	1	7		63	PVE	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TUAN	RP2	59	1	7		59	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	11	68	749	145	8		
2	RP2	11	12	81	738	0	13		
TOTAL		22	23	149	1.487	145	21		
WEIGHT KG				149	1.487	145			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2019	TO: TD1 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 13:40
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - DTùng	ETA: 15:20
NAU-4			

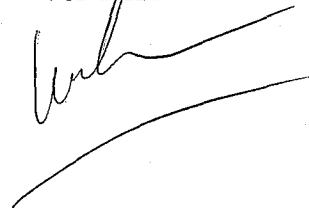
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MESHKOV M.Y.	TD1	18	1	12		82	DVL	Russian
2	PHAN VINH TRUONG	TD1	19	1	10		67	DVL	Vietnamese
3	VU VAN TRUNG	TD1	26	1	12		78	DVL	Vietnamese
4	LUU SUNG BA	TD1	23-24	2	13	70	63	XAYLAP	Vietnamese
5	MAI VAN DUY	TD1	25	1	10		67	NHATHAU	Vietnamese
6	DO VAN TRUNG	TD1	20-21	2	8		63	SHINTRAC	Vietnamese
7	VU VAN TRUONG	TD1	22	1	5		53	SHINTRAC	Vietnamese
8	LUU VAN HAI	RP3	92	1	20		58	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VIET DUNG	RP3	89	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG DUNG	RP3	87	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN PHUONG	RP3	95	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CHU	RP3	93-94	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN DUC HUY	RP3	90-91	2	11		58	XAYLAP	Vietnamese
14	QUACH HAI HUNG	RP3	88	1	7	23	70	XAYLAP	Vietnamese
15	DAO AN TUAN	RP3	96	1	7		52	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG NGOC HOAI	RP3	97	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
17	HA XUAN THANH	RP3	98-99	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG THAI TAI	RP3	26	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
19	VUONG MAI	RP3	24-25	2	14		58	XAYLAP	Vietnamese
20	LAI DUC HAO	RP3	85-86	2	17		80	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	9	70	473	70	1		
2	RP3	13	18	155	831	23	20		
TOTAL		20	27	225	1.304	93	21		
WEIGHT KG				225	1.304	93			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/05/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK14+BK9+PPD	7:25	11+11+0	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
2		RP2+BK3+AMD	7:25	5+8+9	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
3		CTK3+TD2	9:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
4		AMD+BK9+BK14	9:25	17+1+0	0+0+0		15+2+5	0+0+0	
5		P4+ctk3-CNV	11:25	11+1+7	0+0+0		15+0+7	0+0+0	
6		BK5+PPD+TD5	13:25	0+20+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ BK5- PPD

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/05/2019	TO: BK14 - BK9 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Toan	ETA: 09:30
XANH-1			

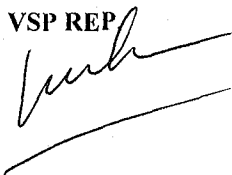
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI THANH QUANG	BK14	08	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
2	ĐANG QUỐC VIỆT	BK14	09	1	5	50	76	D-HANH	Vietnamese
3	VU MINH PHUONG	BK14	06	1	4		75	D-HANH	Vietnamese
4	LÊ VĂN TOAN	BK14	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAO KIM CUONG	BK14	14	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG ĐỨC HẠNH	BK14	12	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	VU ĐÌNH HUY	BK14	11	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA THU	BK14	07	1	2		50	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH QUANG SƠN	BK14	04-05	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
10	CHERNADEV	BK14	12	1	6		71	NIPI	Russian
11	PHAN TIEN CUONG	BK14	10	1	4		60	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NANG	BK9	50	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC CHINH	BK9	45	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC CUONG	BK9	51	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐAO VIỆT HUNG	BK9	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUAN	BK9	38	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG VINH	BK9	39	1	3	50	73	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG HAI	BK9	47-49	3	17		60	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN KHANH HUNG	BK9	41	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
20	LE HONG DUC	BK9	46	1	5		80	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN HOÀN	BK9	42-44	3	17		55	CODIEN	Vietnamese
22	PHAN NGOC QUYET	BK9					72	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	11	12	55	709	50	7		
2	BK9	11	14	79	749	50	5		
3	PPD	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	26	134	1.458	100	22		
WEIGHT KG				134	1.458	100			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2019	TO: RP2 - BK3 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - Nam	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN HUNG	RP2	04	1	6		55	NHATHAU	Vietnamese
2	TRAN VAN SON	RP2	03	1	7		52	NHATHAU	Vietnamese
3	NG HUU HOANG QUAN	RP2	05	1	5		57	NHATHAU	Vietnamese
4	NGO QUANG KHIEM	RP2	01	1	5		57	NHATHAU	Vietnamese
5	LE HONG TRIEU	RP2	02	1	8		62	NHATHAU	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG BIEN	BK3	85-86	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MANH VUONG	BK3	83-84	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGO VAN QUAN	BK3	90	1	11	40	52	XAYLAP	Vietnamese
9	LE VAN HOA	BK3	92	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN DUC TUAN	BK3	87-88	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
11	DO VAN CUONG	BK3	93-94	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC QUANG	BK3	89	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM DINH HUNG	BK3	91	1	8		69	XAYLAP	Vietnamese
14	THAI THANH THAO	AMD	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TRUNG KIEN	AMD	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN GIANG	AMD	53	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG LONG	AMD	58-59	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	64	1	10	65	82	KH-THAC	Vietnamese
19	LA NGOC HOAN	AMD	62	1	8		70	HLJOC	Vietnamese
20	CU XUAN HUY	AMD	60-61	2	7		63	HLJOC	Vietnamese
21	TRAN MINH KIEN	AMD	57	1	7		69	HLJOC	Vietnamese
22	TRINH THUONG MAI	AMD	55-56	2	12		60	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	5	31	283	0	0		
2	BK3	8	12	109	518	40	10		
3	AMD	9	12	69	634	65	12		
TOTAL		22	29	209	1.435	105	22		
WEIGHT KG				209	1.435	105			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2019	TO: CTK3 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Toan	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE DIEN	CTK3	23	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN TU	CTK3	19	1	6	20	59	PSV	Vietnamese
3	LE DAM	CTK3	11	1	3	20	67	PSV	Vietnamese
4	SMIRNOV	CTK3	31	1	10		102	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN MINH	CTK3	24	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI KHAC PHONG	CTK3	21	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TUAN	CTK3	17	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	18	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HA MINH GIANG	CTK3	12	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	14	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN QUANG TUAN	CTK3	26	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DUC HANH	CTK3	15	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM QUANG THAI	CTK3	22	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN BINH	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	13	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BAO TRUNG	CTK3	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HUU BAO	CTK3	01	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG QUANG HUY	CTK3	25	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN HAO	CTK3	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRUONG DINH HUY	CTK3	29	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
22	LUYEN VAN THIEU	CTK3	16	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	20	103	1.582	40	19		
2	TD2	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	20	103	1.582	40	22		
WEIGHT KG				103	1.582	40			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/05/2019	TO: AMD - BK9 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:05
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIẾN - Năm	ETA: 12:05
DO-2			

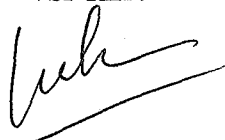
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	AMD	71-73	3	18		62	TLJOC	Vietnamese
2	LANG MINH KHOA	AMD	91	1	8		55	TLJOC	Vietnamese
3	TRAN QUOC ANH	AMD	92	1	10		92	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN HANG HAI	AMD	79	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE TRI TRUNG	AMD	70	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET THANG	AMD	76	1	5	75	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH KHOA	AMD	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	KIEU VAN TUAN	AMD	81	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN QUANG LONG	AMD	69	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	AMD	84-85	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU DANG	AMD	89-90	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
12	DO THE THANH	AMD	86-87	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM TUAN CHUNG	AMD	77-78	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE MINH THUAN	AMD	82-83	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	75	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	80	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
17	PHI MANH HAI	AMD	88	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH KHA	BK9	81	1	6	20	68	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	24	176	1.229	75	15		
2	BK9	1	1	6	68	20	2		
3	BK14	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		18	25	182	1.297	115	22		
WEIGHT KG				182	1.297	115			

GRAND TOAL: 1.594 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2019	TO: P4 - CTK3 - CNV	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Luy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VICTORIANO BIACOLO	P4	01-02	2	17		70	KHI	Filipino
2	PHAN KHÁC THẮNG	CTK3	34	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐẶN QUÊ	CTK3				12	80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	32	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ PHẠM THANH HUY	CTK3	37	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG QUỐC BẢO	CTK3	42	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH QUANG	CTK3	36	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	35	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG TIẾN TOÀN	CTK3	38-39	2	11		66	CODIEN	Vietnamese
10	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	33	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC CƯỜNG	CTK3	40-41	2	17		85	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	43-44	2	10		65	YTE	Vietnamese
13	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	14	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THANH LIÊM	CNV	10	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	06	1	8	57	81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DUNG	CNV	09	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	13	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	11	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	12	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	2	17	70	0	0		
2	CTK3	11	13	69	745	12	15		
3	CNV	7	7	46	539	57	7		
TOTAL		19	22	132	1.354	69	22		
WEIGHT KG				132	1.354	69			

GRAND TOAL: 1.555 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/05/2019	TO: BK5 - PPD - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Luy	ETA: 15:40
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HÙNG	PPD	67	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN VIỆN	PPD	90	1	7	80	70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NANG PHONG	PPD	70	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	81-82	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	75	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	BIỆN MINH SƠN	PPD	68	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN VIỆT	PPD	71-72	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO ĐỨC QUÂN	PPD	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	79	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN ĐÀO	PPD	83	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	73-74	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	69	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH TRÍ	PPD	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	77	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	78	1	4		95	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM MINH TOÀN	PPD	84-85	2	17		57	YTE	Vietnamese
20	PHẠM TIẾN HẢI	PPD	66	1	5		71	LILAMA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

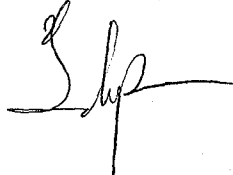
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	0	0+1		CHUYỂN 1 PAX TỪ BK5 QUA PPD
2	PPD	20	21	126	1.439	80	18		
3	TD5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	21	126	1.439	80	22		
WEIGHT KG				126	1.439	80			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

